TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N NAM
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: **63**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 5 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Rực

Các Hội thẩm nhân dân:

. Bà Võ Thị Bời.

. Bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trưng- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1198/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2023, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị Thanh V**- sinh năm 1971; ĐKTT: 2A NTĐ, phường PL, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ liên hệ: Tổ 13 xã VT, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

***** *Bị đơn*: **Nguyễn Văn T**- sinh năm 1974; địa chỉ: 2A NTĐ, phường PL, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày: Tôi (V) và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn năm 1997, đăng ký kết hôn tại UBND phường PT, thành phố N. Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh B- sinh năm 1997 và Nguyễn Thùy D- sinh

năm 1999. Khoảng 10 năm gần đây, cuộc sống chung thường xuyên mâu thuẫn, kình cãi liên miên, nguyên nhân vợ chồng không cùng quan điểm sống và 03 năm nay chúng tôi đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, tôi yêu cầu ly hôn.

Về con chung, cả 02 con chung đều đã thành niên, khỏe mạnh nên tôi không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn T để lấy lời khai, tham gia hòa giải nhưng ông T đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa nên Tòa án không lấy được lời khai của ông T và cũng không hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh V là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn T là bị đơn đã được Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù không lấy được lời khai của bị đơn và tại phiên tòa bị đơn cũng vắng mặt nhưng theo lời khai của nguyên đơn thì bà V, ông T kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường PT, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01 ngày 18/4/1997. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Văn T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án bà V giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Theo lời khai của bà V thì 10 năm nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, kình cãi và 03 năm nay hai người sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, nay nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm không còn nên bà V yêu cầu ly hôn. Như vậy mâu thuẫn giữa bà V, ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc ly hôn giữa hai người nhưng ông T đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa. Điều đó chứng tỏ ông T không quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Việc bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của bà V.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà V, ông T có hai con chung đều đã thành niên; bà V không có ý kiến gì nên Tòa không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định nợ chung không có, nên Tòa không xét.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc kiện của nguyên đơn và Tòa án cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn T.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh V được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có hai con chung đều đã thành niên.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh V không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Tòa không xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà V đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002671 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Bà Nguyễn Thị Thanh V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
. Viện kiểm sát nhân dân Tp.N;
. UBND phường PT, Tp. N
(Đăng ký kết hôn ngày 18/4/1997);
. Thi hành án dân sự Tp.N;
. Đương sự;
. Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Rực